

**VN-Index** **1313.2 (0.26%)**

1184 Tr. cổ phiếu 25992.9 Tỷ VND (-5.23%)

**HNX-Index** **219.28 (0.18%)**

92 Tr. cổ phiếu 1357.3 Tỷ VND (-8.24%)

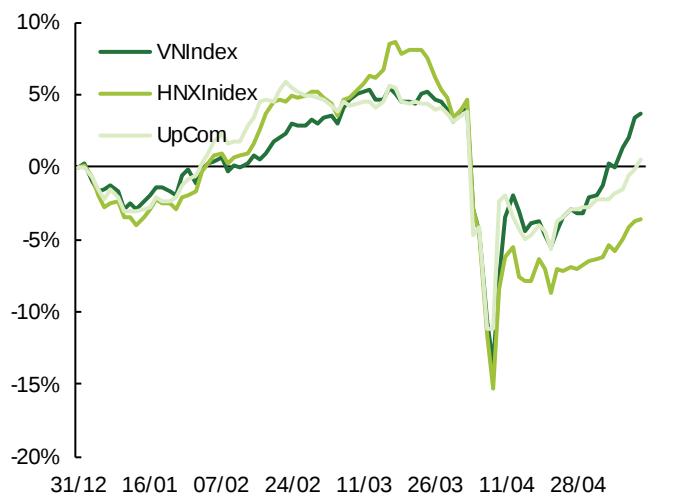
**UPCOM-Index** **95.54 (0.69%)**

64 Tr. cổ phiếu 803.5 Tỷ VND (-45.68%)

**VN30F1M** **1400.70 (0.30%)**

163,958 HD OI: 31,006 HD

### % Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Lực cầu tham gia ở vùng giá cao vẫn mạnh mẽ giúp chỉ số kết phiên trở lại sắc xanh, dù áp lực chốt lời chi phối đầu phiên. Vào cuối tuần rồi, Trung Quốc và Hoa Kỳ đã có các cuộc đàm phán hiệu quả tại Thụy Sĩ, đồng ý tạm thời giảm thuế lẫn nhau xuống còn 10% và 30% trong thời hạn 90 ngày - một sự hạ nhiệt đáng chú ý trong tranh chấp thương mại. Tuy nhiên, vẫn còn sự không chắc chắn về kết quả sau khi thỏa thuận tạm thời hết hạn, với các cuộc đàm phán tiếp theo dự kiến sẽ diễn ra trong những tuần tới. Trong nước, Nghị quyết cơ chế đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân dự kiến thông qua vào cuối tuần này, tiếp tục cho thấy nỗ lực hỗ trợ doanh nghiệp từ Chính phủ.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Độ rộng thị trường cải thiện về phía mua so với lúc sáng với thanh khoản tiếp tục gia tăng và duy trì trên mức bình quân 20 phiên. Dòng tiền hoạt động tốt ở nhóm vốn hóa lớn giữ vai trò nâng đỡ, trong khi dấu hiệu chứng lại bắt đầu xuất hiện ở các Mid-cap dẫn dắt giai đoạn trước. Chiều tăng nổi bật ghi nhận ở nhóm Tài chính, Tiêu dùng, Viễn thông, Đầu tư công, trong khi nhóm Bất động sản (nhóm Vingroup chiếm trọng số lớn), Công nghệ, Nhựa, Vận tải - Cảng, gây áp lực lên mức giảm chung. Về tác động lên điểm số, góp phần vào động lực là lực kéo từ VPL, LPB, ACB, ở chiều ngược lại, VHM, FPT, BCM kìm hãm. Khối ngoại mua ròng phiên thứ 3 liên tiếp gần 919 tỷ đồng, tập trung ở MBB, SHB, FPT.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** đã tiếp cận kháng cự mục tiêu trong xu hướng phục hồi lớn là vùng cản 1310 - 1320 điểm, tương ứng lấp lại đà giảm do leo thang căng thẳng thương mại gây ra. Hiện chưa có tín hiệu đảo chiều được ghi nhận, nhưng cần lưu ý volatility tăng cao ở vùng cản kèm biên độ giao dịch lớn trong khi mức tăng giá lại thu hẹp. Giao dịch khả năng sẽ tiếp tục rung lắc củng cố quanh mốc 1300 điểm. Kịch bản lạc quan nếu VN-Index xác nhận vượt thuyết phục ngưỡng 1320 điểm sẽ hướng đến đỉnh cũ 1340 điểm. Vùng hỗ trợ gần được nâng lên quanh 1250 – 1260 điểm nhằm bảo toàn xu thế vận động.
- **Đối với HNX-Index**, vận động tiếp tục giằng co quanh mốc kháng cự 220 với mẫu hình nền Doji. Xu hướng khả năng cần tích lũy thêm động lượng. Mục tiêu tiếp theo nếu chinh phục thành công ngưỡng 220 là khu vực 225 điểm.
- **Chiến lược chung:** Hạn chế hưng phấn mua đuổi, có thể tăng thêm tỷ trọng ở nhịp điều chỉnh hoặc tận dụng rung lắc trong phiên. Các nhóm ưu tiên chú ý là Ngân hàng, Bất động sản, Tiện ích, Đầu tư công, Tiêu dùng.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua VCI (Xem tiếp tại trang 7)

Phái sinh (trang 9)

Nhận định thị trường | 1

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

| Chỉ số                      | % Thay đổi   |        |        |        | % Biến động giá trị giao dịch so với |                |                    |                     | % Biến động khối lượng giao dịch so với |                |                    |                     |
|-----------------------------|--------------|--------|--------|--------|--------------------------------------|----------------|--------------------|---------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|---------------------|
|                             | Giá đóng cửa | (%) 1D | (%) 1W | (%) 1M | Giá trị giao dịch (Tỷ VND)           | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng | Khối lượng giao dịch (Triệu CP)         | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |
| <b>Theo chỉ số</b>          |              |        |        |        |                                      |                |                    |                     |                                         |                |                    |                     |
| VN-Index                    | 1,313.2      | 0.3%   | 3.4%   | 7.0%   | 25,992.9                             | -5.16%         | 35.6%              | 7.4%                | 1,184.0                                 | 3.9%           | 46.5%              | 17.8%               |
| HNX-Index                   | 219.3        | 0.2%   | 1.9%   | 4.3%   | 1,357.3                              | -8.2%          | 19.4%              | 0.3%                | 91.8                                    | -1.5%          | 43.2%              | 5.0%                |
| UPCOM-Index                 | 95.5         | 0.7%   | 2.8%   | 5.0%   | 803.5                                | -45.7%         | 36.7%              | 24.7%               | 64.2                                    | 2.9%           | 62.3%              | 44.9%               |
| VN30                        | 1,401.5      | 0.3%   | 3.7%   | 6.9%   | 15,863.7                             | -0.5%          | 54.0%              | 26.2%               | 584.4                                   | 12.7%          | 71.8%              | 41.3%               |
| VNMID                       | 1,870.6      | 0.0%   | 2.9%   | 8.1%   | 7,883.9                              | -4.0%          | 23.7%              | -12.6%              | 392.3                                   | 8.5%           | 30.5%              | -7.8%               |
| VNSML                       | 1,402.7      | 0.0%   | 1.3%   | 7.4%   | 1,442.3                              | -12.0%         | -14.9%             | -22.7%              | 95.4                                    | -21.2%         | -15.8%             | -22.1%              |
| <b>Theo ngành (VNIndex)</b> |              |        |        |        |                                      |                |                    |                     |                                         |                |                    |                     |
| Ngân hàng                   | 528.9        | 1.0%   | 5.9%   | 3.9%   | 10,154.1                             | 29.7%          | 54.3%              | 110.3%              | 502.1                                   | 38.3%          | 61.9%              | 110.8%              |
| Bất động sản                | 344.1        | -1.5%  | 3.4%   | 10.4%  | 4,166.4                              | 9.4%           | 11.0%              | 18.3%               | 160.8                                   | 2.5%           | 3.0%               | 10.9%               |
| Dịch vụ tài chính           | 251.4        | 0.6%   | 5.3%   | 0.9%   | 2,483.4                              | -25.6%         | 3.6%               | 18.5%               | 137.7                                   | -22.0%         | 1.7%               | 15.0%               |
| Công nghiệp                 | 198.6        | -0.6%  | 4.0%   | 17.1%  | 992.7                                | -5.3%          | -6.2%              | -6.5%               | 30.3                                    | -1.3%          | 1.5%               | -6.7%               |
| Tài nguyên cơ bản           | 441.2        | 0.2%   | 3.2%   | 3.7%   | 981.4                                | -40.7%         | -15.2%             | 17.1%               | 51.3                                    | -37.5%         | -12.9%             | 17.2%               |
| Xây dựng - Vật Liệu         | 160.9        | 0.8%   | 3.4%   | 7.2%   | 1,469.5                              | 79.4%          | 66.7%              | 86.5%               | 80.7                                    | 109.4%         | 75.6%              | 106.5%              |
| Thực phẩm                   | 485.9        | 0.7%   | 2.2%   | 4.0%   | 1,460.6                              | -44.8%         | -8.8%              | 19.2%               | 46.7                                    | -28.0%         | -2.5%              | 23.1%               |
| Bán Lẻ                      | 1,211.9      | 0.3%   | 5.4%   | 13.0%  | 790.8                                | -21.1%         | -4.9%              | 33.2%               | 13.1                                    | -20.7%         | -5.9%              | 32.2%               |
| Công nghệ                   | 563.5        | -1.0%  | 14.4%  | 6.7%   | 1,114.6                              | -36.0%         | -18.6%             | 22.4%               | 10.9                                    | -36.7%         | -24.1%             | 9.3%                |
| Hóa chất                    | 163.4        | 0.2%   | 7.3%   | 6.6%   | 601.6                                | -28.2%         | -19.7%             | 11.3%               | 17.7                                    | -20.1%         | -16.3%             | 8.7%                |
| Tiện ích                    | 629.7        | -0.3%  | 1.7%   | 5.3%   | 292.6                                | -24.0%         | -16.8%             | 4.7%                | 15.9                                    | -10.3%         | -13.3%             | 3.9%                |
| Dầu khí                     | 59.0         | -0.5%  | 4.4%   | 5.7%   | 203.9                                | -12.5%         | -17.5%             | 22.2%               | 9.9                                     | -1.9%          | -12.0%             | 18.3%               |
| Dược phẩm                   | 411.6        | 0.2%   | 3.0%   | 6.8%   | 38.7                                 | -11.6%         | -34.8%             | -7.5%               | 2.3                                     | -12.5%         | -21.9%             | -14.4%              |
| Bảo hiểm                    | 81.5         | 0.6%   | 0.0%   | 7.4%   | 44.9                                 | 72.7%          | 43.8%              | 20.8%               | 1.1                                     | 44.7%          | 33.9%              | 9.7%                |

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

| Chỉ số              | Thị trường  | Giá đóng cửa | % Thay đổi giá |        | Chỉ số định giá |      |
|---------------------|-------------|--------------|----------------|--------|-----------------|------|
|                     |             |              | 1 ngày         | YTD    | P/E             | P/B  |
| VN-Index            | Việt Nam    | 1,313.2      | 0.3%           | 3.7%   | 13.1x           | 1.6x |
| SET-Index           | Thái Lan    | 1,194        | -1.8%          | -14.7% | 13.9x           | 1.2x |
| JCI-Index           | Indonesia   | 7,040        | 0.9%           | -0.6%  | 15.7x           | 1.9x |
| FTSE Bursa Malaysia | Malaysia    | 11,774       | -0.5%          | -6.4%  | 14.9x           | 1.3x |
| PSEi Index          | Phillipines | 6,467        | -1.3%          | -0.9%  | 11.4x           | 1.4x |
| Shanghai Composite  | Trung Quốc  | 3,381        | -0.7%          | 0.9%   | 14.0x           | 1.4x |
| Hang Seng           | Hồng Kông   | 23,453       | -0.8%          | 16.9%  | 11.9x           | 1.3x |
| Nikkei 225          | Nhật Bản    | 37,756       | -1.0%          | -5.4%  | 18.3x           | 2.0x |
| S&P 500             | Mỹ          | 5,893        | 0.1%           | 0.2%   | 25.2x           | 5.1x |
| Dow Jones           | Mỹ          | 42,051       | -0.2%          | -1.2%  | 23.3x           | 5.5x |
| FTSE 100            | Anh         | 8,590        | 0.1%           | 5.1%   | 12.7x           | 1.9x |
| Euro Stoxx 50       | Châu Âu     | 5,378        | -0.5%          | 9.8%   | 16.2x           | 2.1x |
|                     |             |              |                |        |                 |      |
| DX/USD              |             | 101          | -0.3%          | -7.1%  |                 |      |
| USD/VND             |             | 25,934       | -0.1%          | 1.8%   |                 |      |

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

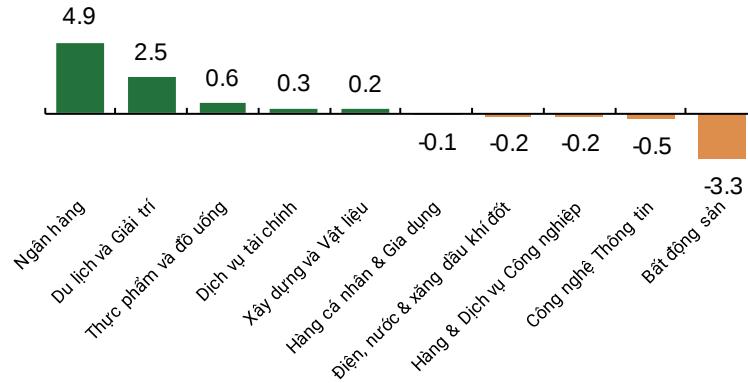
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

| Giá/ Chỉ số hàng hóa      |   | % Thay đổi giá |        |        |        |
|---------------------------|---|----------------|--------|--------|--------|
|                           |   | 1D             | 1M     | % YTD  | % YoY  |
| Dầu Brent                 | ▼ | -3.4%          | -1.3%  | -14.4% | -22.8% |
| Dầu WTI                   | ▼ | -4.3%          | -0.7%  | -15.1% | -22.5% |
| Khí gas                   | ▼ | -4.3%          | 4.9%   | -3.9%  | 44.5%  |
| Than cốc (*)              | ▬ | 0.0%           | 0.0%   | -15.5% | -34.3% |
| Thép HRC (*)              | ▬ | 0.6%           | 0.5%   | -4.1%  | -12.0% |
| PVC (*)                   | ▼ | -1.5%          | -3.5%  | -6.0%  | -16.5% |
| Phân Urea (*)             | ▲ | 1.1%           | 0.0%   | 2.7%   | 25.2%  |
| Cao su thiên nhiên        | ▼ | -0.3%          | 4.1%   | -11.1% | 5.6%   |
| Bông Cotton               | ▼ | -1.5%          | 0.3%   | -4.6%  | -13.4% |
| Đường                     | ▼ | -1.5%          | 2.5%   | -6.8%  | -3.8%  |
| World Container Index     | ▲ | 7.6%           | -1.4%  | -41.3% | -29.3% |
| Baltic Dirty tanker Index | ▼ | -1.8%          | -13.3% | 6.5%   | -14.4% |
|                           |   |                |        |        |        |
| Vàng                      | ▼ | -2.3%          | -1.7%  | 21.0%  | 33.1%  |
| Bạc                       | ▼ | -2.7%          | -0.9%  | 10.9%  | 8.0%   |

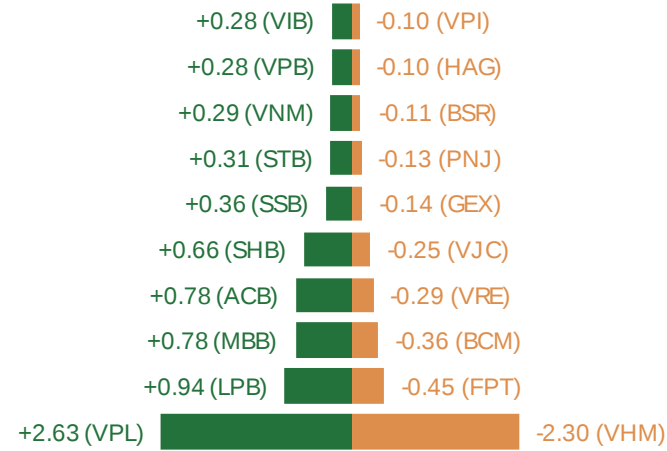
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

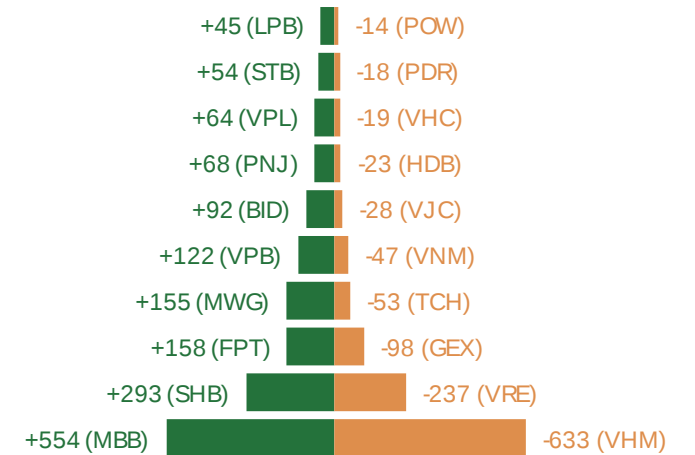


### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

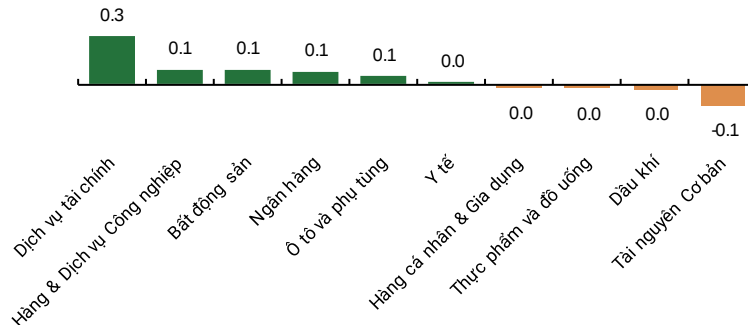


### BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

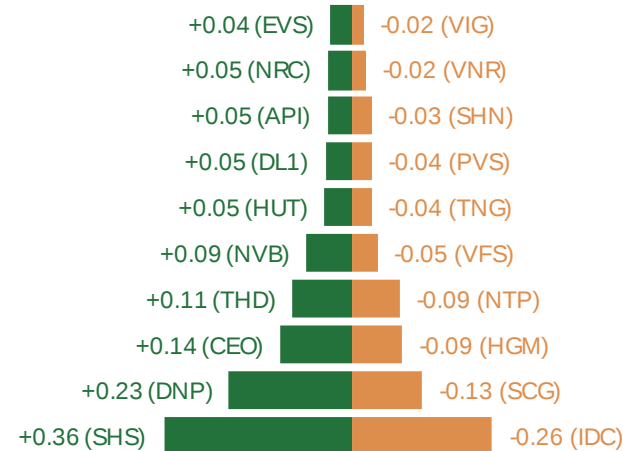
#### TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



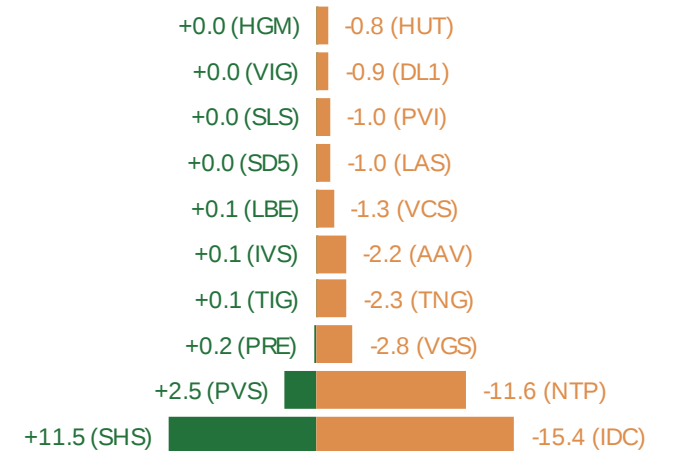
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



#### TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



**TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHÓP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX**



|         | SHB   | MBB   | VHM   | VPB   | FPT   |
|---------|-------|-------|-------|-------|-------|
| %DoD    | 5.4%  | 2.2%  | -4.0% | 0.8%  | -1.0% |
| Giá trị | 2,246 | 1,735 | 1,043 | 1,019 | 983   |

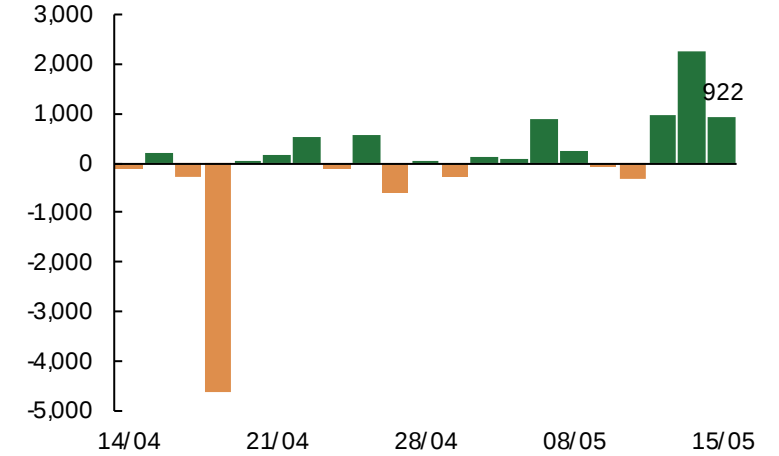
**TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX**



|         | OCB  | FPT   | SBT  | SHB  | EIB   |
|---------|------|-------|------|------|-------|
| %DoD    | 0.9% | -1.0% | 0.6% | 5.4% | -0.3% |
| Giá trị | 198  | 117   | 100  | 80   | 80    |

**BẢN TIN CHỨNG KHOÁN**  
**THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ**

**GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)**



**TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHÓP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX**



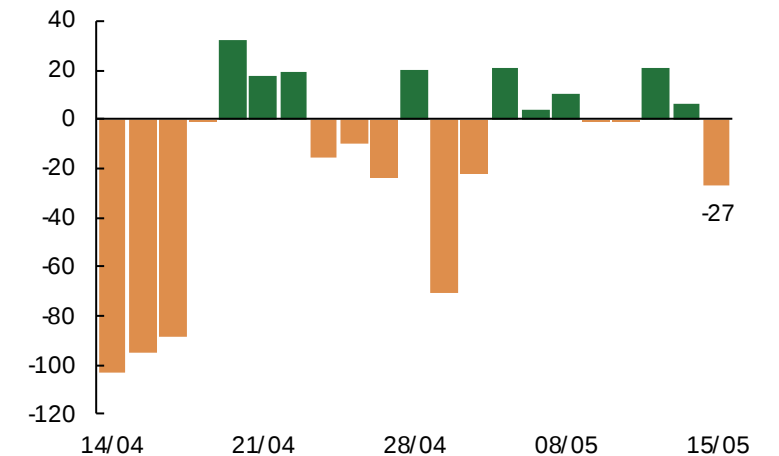
|         | SHS  | CEO  | MBS  | IDC   | PVS   |
|---------|------|------|------|-------|-------|
| %DoD    | 2.3% | 1.5% | 0.7% | -2.1% | -0.4% |
| Giá trị | 272  | 141  | 128  | 85    | 85    |

**TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX**



|         | SHS  | IDC   | NAG   | HUT  | PVI  |
|---------|------|-------|-------|------|------|
| %DoD    | 2.3% | -2.1% | -0.6% | 0.8% | 0.7% |
| Giá trị | 138  | 14    | 5     | 3    | 2    |

**GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)**





### Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Doji chuẩn chuẩn, vol tăng
- ✓ Hỗ trợ: 1250 - 1275.
- ✓ Kháng cự: 1310 – 1325.
- ✓ Xu hướng: Giằng co tại kháng cự.

**Kịch bản:** Vol giữ đà đi lên cùng với mẫu hình nến Doji có bóng dưới dài cho thấy lực cầu chấp nhận tham gia ở vùng giá cao. Tuy nhiên, **vận động đã đạt đến vùng cản mục tiêu trong nhịp hồi quanh khu vực 1310 – 1320 điểm**. Thêm vào đó, chỉ báo RSI gần tịnh tiến lên mức quá mua có thể kích hoạt lực bán ngắn hạn. VN-Index khả năng tiếp tục rung lắc hoặc điều chỉnh kỹ thuật để củng cố lại đà. **Trường hợp bứt phá ngưỡng 1320 thuyết phục, mục tiêu tiếp theo hướng đến là khu vực đỉnh cũ 1340 điểm.**



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh có bóng dưới dài tại cản, vol tăng
- ✓ Hỗ trợ: 1325 - 1350.
- ✓ Kháng cự: 1400.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định đỉnh cũ.

➔ Vận động ở VN30 tốt hơn VN-Index khi đã tiến về khu vực đỉnh cũ, điều này hàm ý dòng tiền có sự dịch chuyển và hoạt động sôi nổi hơn ở nhóm vốn hóa lớn. Vai trò nâng đỡ thay phiên giữa các cổ phiếu trong rổ kỳ vọng sẽ giúp giữ nhịp đi lên. Tuy nhiên, động lực để tiếp tục bứt phá có vẻ gần bão hòa, một nhịp tích lũy trở lại là cần thiết cho xu hướng.

| STOCK    |            | STRATEGY | Technical     |        |       | Financial Ratio  |        |
|----------|------------|----------|---------------|--------|-------|------------------|--------|
| Ticker   | VCI        | BUY      | Current price | 37.9   |       | P/E (x)          | 23.7   |
|          |            |          | Action price  | (16/5) | 37.9  | P/B (x)          | 2.1    |
| Exchange | HOSE       |          |               |        |       | EPS              | 1602.2 |
|          |            |          | Target price  | 41.5   | 9.5%  | ROE              | 9.4%   |
| Sector   | Securities |          | Cut loss      | 36     | -5.0% | Stock Rating     | BBB    |
|          |            |          |               |        |       | Scale Market Cap | Medium |



### TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá thoát khỏi hộp tích lũy 36.5 – 37.5 và duy trì trên MA50-ngày.
  - Chỉ báo RSI giữ vận động đi lên trên mức 50 cùng với MACD cải thiện lên miền dương, đồng thuận hướng lên.
  - Các đường hỗ trợ MA-ngày có xu hướng hội tụ củng cố cho vị thế trung hạn.
  - Giá được giữ trên MA100 và MA200 ngày cho thấy chưa đánh mất xu hướng lớn.
- ➔ Kỳ vọng tiếp tục đà phục hồi hướng về đỉnh cũ gần nhất, lạc quan hơn là vượt đỉnh.
- ➔ KN mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú              |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|----------------------|
| 1   | VCI   | Mua         | 16/05/2025       | 37.90        | 37.90         | 0.0%           | 41.5         | 9.5%       | 36         | -5.0%      | Kiểm định tốt hỗ trợ |

## Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú                            |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|------------------------------------|
| 1   | MSN   | Nắm giữ     | 05/05/2025       | 62.80        | 53.80         | 16.7%          | 66           | 22.7%      | 59         | 9.7%       | Nâng giá mục tiêu 66, chặn dưới 59 |
| 2   | VCG   | Nắm giữ     | 13/05/2025       | 22.05        | 21.65         | 1.8%           | 24.5         | 13.2%      | 20         | -7.6%      |                                    |
| 3   | DPG   | Nắm giữ     | 15/05/2025       | 51.40        | 50.80         | 1.2%           | 60           | 18.1%      | 47         | -7%        |                                    |
| 4   | DBC   | Mua         | 06/05/2025       | 29.05        | 28.1          | 3.4%           | 31           | 10.3%      | 26.5       | -6%        |                                    |
| 5   | REE   | Mua         | 07/05/2025       | 71.00        | 69.7          | 1.9%           | 77           | 10.5%      | 66         | -5%        |                                    |
| 6   | PLC   | Mua         | 08/05/2025       | 26.30        | 25.8          | 1.9%           | 30           | 16%        | 24         | -7%        |                                    |
| 7   | MBB   | Mua         | 12/05/2025       | 25.05        | 23.5          | 6.6%           | 26           | 10.6%      | 22.5       | -4%        |                                    |
| 8   | TCH   | Mua         | 14/05/2025       | 17.70        | 18            | -1.7%          | 20.5         | 14%        | 16.8       | -7%        |                                    |



### Tín hiệu kỹ thuật

- Ở đồ thị 15 phút, VN30F2505 chỉ điều chỉnh nhẹ đầu phiên và đã sớm quay lại quán tính tăng sau đó. Giao dịch khởi sắc thúc đẩy trong phiên chiều giúp hợp đồng đóng cửa tiến về đỉnh cũ 1400. Phiên nay cũng là đáo hạn hợp đồng phái sinh trong 1 tháng.
- VN30F2M đóng cửa cận mốc 1396 nên khả năng phiên mai sẽ xuất hiện gap đầu phiên trên cơ sở cân bằng lại vận động. Vùng tích lũy kỳ vọng quanh ngưỡng 1395 (+/- 2 điểm).
- Vị thế Short cân nhắc tham gia khi dao động suy yếu và đánh mất hỗ trợ bên dưới. Vị Long cân nhắc khi bứt phá hẳn lên kháng cự biên trên, hoặc chờ mua ở các mốc hỗ trợ quan trọng (chi tiết ở hình bên).

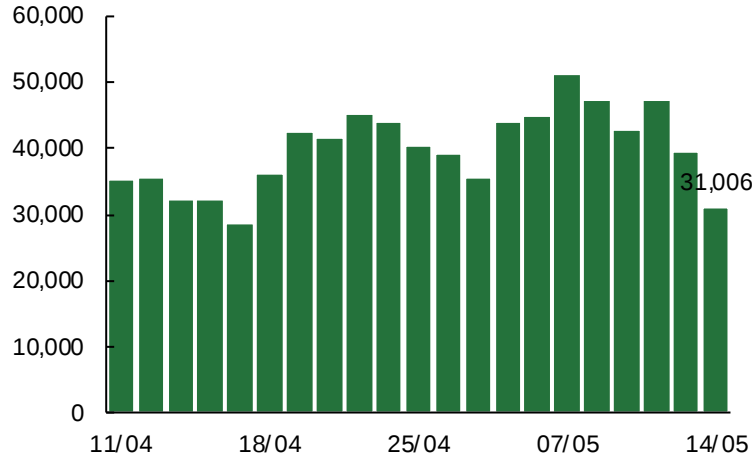
### Chiến lược giao dịch trong ngày

| Vị thế | Điểm vào | Chốt lời | Cắt lỗ | Lợi nhuận/<br>Rủi ro |
|--------|----------|----------|--------|----------------------|
| Short  | <1389    | 1379     | 1394   | 10 : 5               |
| Long   | >1400    | 1410     | 1395   | 10 : 5               |

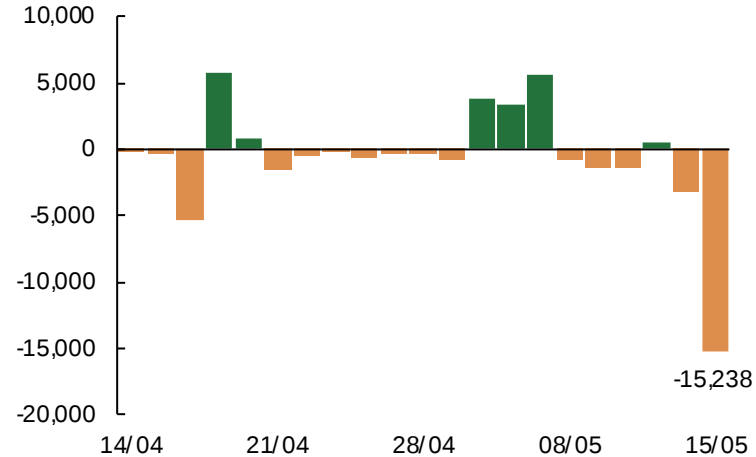
### Thông kê hợp đồng tương lai

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | Thay đổi (điểm) | KL giao dịch | KL Mở  | Giá lý thuyết | Chênh lệch | Ngày thanh toán | Thời hạn còn lại (ngày) |
|-------------|--------------|-----------------|--------------|--------|---------------|------------|-----------------|-------------------------|
| VN30 Index  | 1,401.5      | 3.6             |              |        |               |            |                 |                         |
| VN30F2505   | 1,400.7      | 4.2             | 163,958      | 31,006 | 1,401.5       | -0.8       | 15/05/2025      | 0                       |
| VN30F2506   | 1,395.9      | -4.1            | 44,986       | 16,122 | 1,402.7       | -6.8       | 19/06/2025      | 35                      |
| VN30F2509   | 1,394.7      | -0.6            | 124          | 578    | 1,405.7       | -11.0      | 18/09/2025      | 126                     |
| VN30F2512   | 1,395.5      | -1.1            | 73           | 296    | 1,408.7       | -13.2      | 18/12/2025      | 217                     |

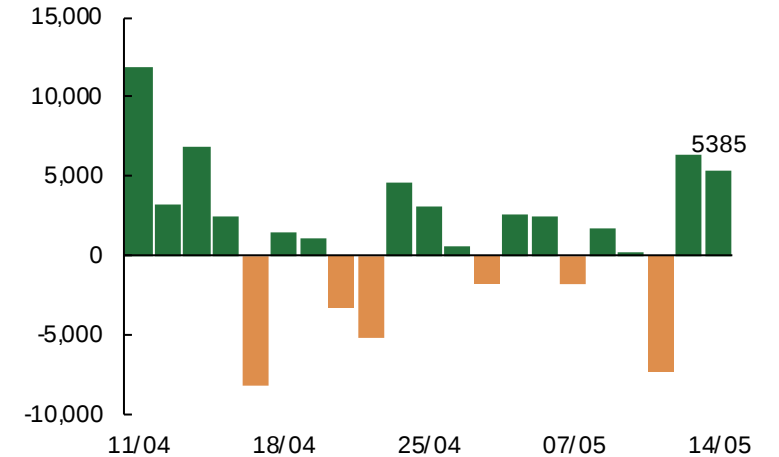
**Khối lượng mở (Open interest)**



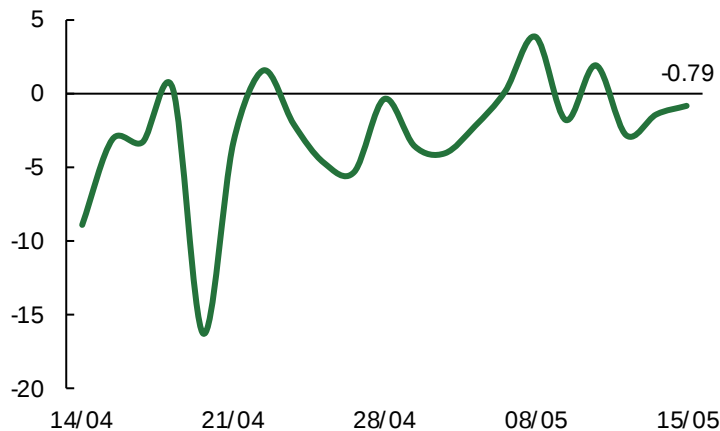
**Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)**



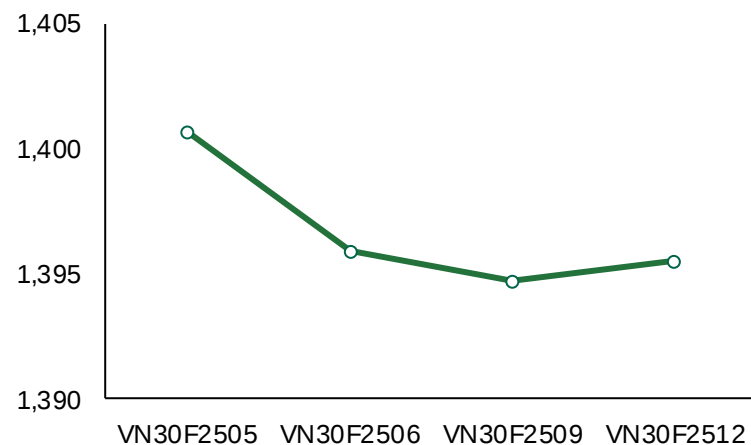
**Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)**



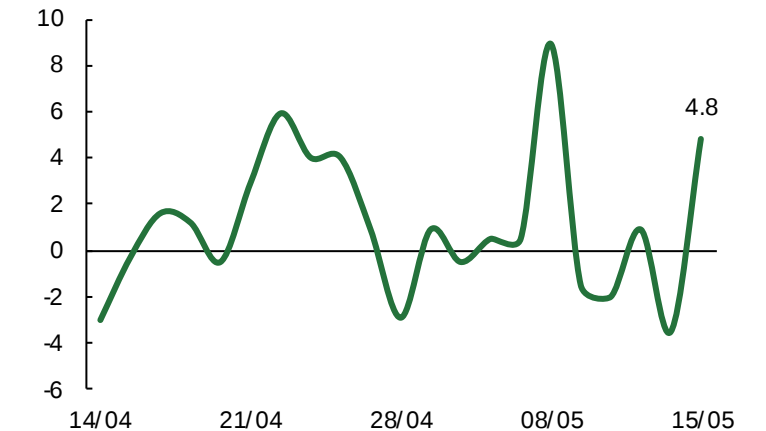
**Basis hợp đồng tương lai**



**Đường cong hợp đồng tương lai**



**VN30F1M – VN30F2M**



| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| DGC   | 93,500  | 102,300      | 9.4%                | Nắm giữ       |
| MWG   | 64,300  | 66,700       | 3.7%                | Nắm giữ       |
| HHV   | 12,400  | 13,500       | 8.9%                | Nắm giữ       |
| TCM   | 31,200  | 48,200       | 54.5%               | Mua           |
| AST   | 61,800  | 65,800       | 6.5%                | Nắm giữ       |
| DGW   | 34,400  | 48,500       | 41.0%               | Mua           |
| DBD   | 49,750  | 68,000       | 36.7%               | Mua           |
| HAH   | 65,100  | 61,200       | -6.0%               | Giảm tỷ trọng |
| PNJ   | 84,400  | 111,700      | 32.3%               | Mua           |
| HPG   | 26,150  | 32,400       | 23.9%               | Mua           |
| DRI   | 11,840  | 15,100       | 27.5%               | Mua           |
| DPR   | 38,350  | 43,500       | 13.4%               | Tăng tỷ trọng |
| VNM   | 56,800  | 70,500       | 24.1%               | Mua           |
| STB   | 40,700  | 38,800       | -4.7%               | Giảm tỷ trọng |
| ACB   | 25,550  | 31,900       | 24.9%               | Mua           |
| MBB   | 25,050  | 31,100       | 24.2%               | Mua           |
| MSB   | 12,000  | 13,600       | 13.3%               | Tăng tỷ trọng |
| SHB   | 13,700  | 12,400       | -9.5%               | Giảm tỷ trọng |
| TCB   | 29,900  | 30,700       | 2.7%                | Nắm giữ       |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| TPB   | 13,750  | 19,700       | 43.3%               | Mua           |
| VIB   | 18,750  | 22,900       | 22.1%               | Mua           |
| VPB   | 18,550  | 24,600       | 32.6%               | Mua           |
| CTG   | 39,750  | 42,500       | 6.9%                | Nắm giữ       |
| HDB   | 22,250  | 28,000       | 25.8%               | Mua           |
| VCB   | 58,700  | 69,900       | 19.1%               | Tăng tỷ trọng |
| BID   | 37,400  | 41,300       | 10.4%               | Tăng tỷ trọng |
| LPB   | 37,050  | 28,700       | -22.5%              | Bán           |
| MSH   | 50,300  | 58,500       | 16.3%               | Tăng tỷ trọng |
| IDC   | 42,000  | 72,000       | 71.4%               | Mua           |
| SZC   | 33,750  | 49,500       | 46.7%               | Mua           |
| BCM   | 61,000  | 80,000       | 31.1%               | Mua           |
| SIP   | 69,100  | 88,000       | 27.4%               | Mua           |
| IMP   | 49,200  | 41,800       | -15.0%              | Bán           |
| VHC   | 53,900  | 83,900       | 55.7%               | Mua           |
| ANV   | 14,700  | 17,200       | 17.0%               | Tăng tỷ trọng |
| FMC   | 34,600  | 50,300       | 45.4%               | Mua           |
| SAB   | 50,300  | 64,000       | 27.2%               | Mua           |
| VSC   | 22,200  | 18,200       | -18.0%              | Bán           |

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### THÔNG TIN VĨ MÔ

**Việt Nam thảo luận với Hoa Kỳ về Hiệp định tránh đánh thuế hai lần:** Mới đây, trong khuôn khổ chuyến công tác tại Hoa Kỳ, ông Đặng Ngọc Minh, Phó Cục trưởng Cục Thuế dẫn đầu cùng một số thành viên Đoàn công tác của Bộ Tài chính đã có buổi làm việc với bà Rebecca Burch - Phó Trợ lý Bộ trưởng Bộ Tài chính Hoa Kỳ và một số thành viên về một số nội dung trong đó có Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Hoa Kỳ (HĐT).

**Đề xuất loạt cơ chế đặc thù về đất đai, lãi suất cho doanh nghiệp tư nhân:** Chiều tối 14/5, Ủy ban Thường vụ Quốc hội họp cho ý kiến dự thảo Nghị quyết cơ chế đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân. Việc này nhằm thể chế hóa chủ trương của Bộ Chính trị tại Nghị quyết 68, và tạo cú hích, đòn bẩy cho kinh tế tư nhân phát triển. Theo đó, doanh nghiệp công nghệ cao, khởi nghiệp sáng tạo có thể được giảm ít nhất 30% tiền thuê đất trong 5 năm tại các khu, cụm công nghiệp; vay vốn rẻ và miễn thuế 2 năm.

**Giá vàng sụt giảm mạnh:** Sau khi giảm 500.000 đồng/lượng ngày hôm qua, giá vàng SJC mở cửa sáng ngày 15/5 giảm tiếp 1,4 triệu đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 1,1 triệu đồng/lượng ở chiều bán ra, hiện niêm yết ở mức 116,6 – 118,9 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra). Giá vàng sụt giảm khi tâm lý trên thị trường tài chính toàn cầu cải thiện sau những tiến triển trong đàm phán thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc.

**Hàn Quốc – Mỹ sẽ tiếp tục đàm phán thuế quan:** Trong khuôn khổ Hội nghị Bộ trưởng Thương mại thuộc Diễn đàn APEC diễn ra ngày 15-16/5 tại đảo Jeju, Hàn Quốc và Mỹ dự kiến sẽ tiếp tục đàm phán về các vấn đề thuế quan.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**Ngành gạo suy giảm lợi nhuận ngay quý đầu năm:** Sản lượng gạo xuất khẩu tăng không đủ bù đắp cho đà giảm của giá bán, khiến nhiều doanh nghiệp rơi vào cảnh lỗ hoặc chỉ còn biên lãi mỏng. Sự sụt giảm giá chủ yếu do việc Ấn Độ dỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu kéo dài 14 tháng, khiến thị trường tràn ngập gạo giá rẻ. Ngành lúa gạo Việt bước qua quý 1/2025 với kết quả kinh doanh ảm đạm và nhiều nỗi lo cho phần còn lại của năm.

**HVN - Vietnam Airlines triệu tập ĐHĐCĐ bất thường:** Thời gian diễn ra vào 14h chiều 15/5 tại Hà Nội. Cuộc họp nhằm thông qua phương án phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ và thương vụ đầu tư máy bay thân hẹp. Dự án đầu tư 50 máy bay thân hẹp Airbus A320NEO hoặc Boeing B737 MAX và 10 động cơ dự phòng có tổng trị giá dự kiến khoảng 92.800 tỷ đồng (khoảng 3,7 tỷ USD), thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.

**BSG - Xe khách Sài Gòn giảm mạnh lãi quý I, cổ đông lớn đồng loạt thoái vốn:** Công ty ghi nhận doanh thu đạt 111,3 tỷ đồng, giảm 24,8%. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong quý I/2025 giảm mạnh tới gần 87,5%, chỉ đạt 1,23 tỷ đồng, nên lợi nhuận trước thuế đạt vốn vụn 1,5 tỷ đồng, giảm 84,5% so với cùng kỳ và là mức lãi thấp nhất kể từ quý II/2022. Ba cổ đông lớn của CTCP Xe khách Sài Gòn đã đồng loạt đăng ký thoái hết vốn sở hữu tại BSG từ ngày 16/5 đến ngày 13/6.

- 05/05 Việt Nam – Chỉ số PMI  
Việt Nam – Hợp quốc hội
- 06/05 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 04/2025  
Mỹ & Trung Quốc – Chỉ số PMI
- 08/05 Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành
- 10/05 Trung Quốc – Dữ liệu CPI, PPI, Xuất nhập khẩu tháng 04/2025
- 13/05 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4
- 14/05 Việt Nam – Công bố danh mục MSCI
- 15/05 Việt Nam – Đáo hạn phái sinh  
Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 4  
EU – Dữ liệu vĩ mô tháng 04/2025
- 16/05 Trung Quốc – Dữ liệu vĩ mô 04/2025
- 30/05 Việt Nam – Quỹ ETF liên quan MSCI cơ cấu danh mục  
Mỹ - Công bố số điều chỉnh GDP, Chỉ số Core PCE

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801